

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/7/2021.

V/v: “*Tranh chấp về Hôn nhân và  
gia đình - Ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Tinh**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**.  
2. Bà **Võ Thị Điệp**.

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Tấn L** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 675/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 113/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **D Thị Ngọc Th**, sinh năm 1995. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tá Biên, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn D Thị Ngọc Th trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tấn L qua thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 13/8/2013.

Trong thời gian chung sống, anh chị có nhiều bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung làm cho hôn nhân bất hòa, chung sống không có được hạnh phúc. Chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, chị và con gái Nguyễn Thị Thùy D về sống bên ngoại tại Sóc Trăng, anh L sinh sống tại nhà cha

mẹ ruột của anh L ở xã B, huyện Cao Lãnh.

Khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân, anh L chỉ đến thăm con được 01 lần, cho tiền con một lần chứ không chu cấp tiền bạc phụ chi nuôi con ăn học. Anh chị đã không còn tình cảm với nhau, trước khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Th có điện thoại cho anh L biết về nội dung vụ án và kêu anh L đến Tòa án để giải quyết nhưng anh L nói không đi, chị muốn làm gì thì làm và hiện nay anh chị đã không còn liên lạc với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th quyết định ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2009, hiện đang sống chung với chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

*\* Trong quá trình tố tụng, bị đơn Nguyễn Tấn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh L vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại các phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do. Đồng thời, anh L cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.*

*\* Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án gồm:*

1. 01 (một) Giấy CMND D Thị Ngọc Th (bản photo);
2. 01 (một) Sổ hộ khẩu tên chủ hộ D Vết (bản sao);
3. 01 (một) Giấy khai sinh Nguyễn Thị Thùy D (bản chứng thực);
4. 01 (một) Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
5. 01 (một) Đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản chính);
6. 01 (một) Đơn yêu cầu Tòa án không tiếp tục hòa giải ngày 02/4/2021 tên D Thị Ngọc Th (bản chính).
7. 01 (một) Tờ tự khai của cháu Nguyễn Thị Thùy D ngày 30/4/2021 (bản chính).

*\* Các tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp cho Tòa án gồm: Không có.*

*\* Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Không có.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử xét thấy, theo yêu cầu khởi kiện của chị D Thị Ngọc Th là yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Hội đồng xét xử xét thấy, tranh chấp giữa các đương sự trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, địa chỉ của bị đơn Nguyễn Tấn L tại ấp 6, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa xét xử, bị đơn Nguyễn Tấn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tấn L theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn D Thị Ngọc Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh L cưới nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn số 170/2013 ngày 13/8/2013. Như vậy, hôn nhân của chị Th và anh L là tự nguyện và hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống:

Trong thời gian chung sống, anh chị có nhiều bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung làm cho hôn nhân bất hòa, chung sống không có được hạnh phúc. Chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, chị và con gái Nguyễn Thị Thùy D về sống bên ngoại tại Sóc Trăng, anh L sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của anh L ở xã B, huyện Cao Lãnh.

Khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân, anh L chỉ đến thăm còn được 01 lần, cho tiền con một lần chứ không chu cấp tiền bạc phụ chị nuôi con ăn học. Anh chị đã không còn tình cảm với nhau, trước khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Th có điện thoại cho anh L biết về nội dung vụ án và kêu anh L đến Tòa án để giải quyết nhưng anh L nói không đi, chị muốn làm gì thì làm và hiện nay anh chị đã không còn liên lạc với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th quyết định ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

Trong quá trình tố tụng, anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã biết nội dung vụ án; ngoài ra, anh L cũng đã được triệu tập

hợp lệ đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia các phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà phía chị Th cung cấp. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy việc chị Th trình bày là có cơ sở nên Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa chị Th và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Th về con chung: Chị Th và anh L có một con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2009, hiện cháu đang sống với chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 276 ngày 13/8/2013 của UBND xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thể hiện cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2009 có mẹ tên D Thị Ngọc Th và cha tên Nguyễn Tấn L là phù hợp với lời trình bày của chị Th. Nên, chị Th và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2009.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Th: Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi, cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Nhận thấy, hiện nay cháu D đang sống chung với chị Th, cuộc sống của cháu đang ổn định, đời sống sinh hoạt, môi trường học tập vẫn ổn định và phát triển bình thường về mọi mặt; bên cạnh đó, chị Th hiện có công việc và mức thu nhập ổn định đủ để nuôi con ăn học. Đồng thời, cháu D có làm văn bản thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với chị Th sau khi cha mẹ ly hôn. Anh L không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do vậy, yêu cầu nuôi con của chị Th là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung thì anh L vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Xét về tài sản chung: Chị Th trình bày không có, anh L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Xét về nợ chung: Chị Th trình bày vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, anh L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn D Thị Ngọc Th.

[2.5] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh L không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn D Thị Ngọc Th.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị D Thị Ngọc Th được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

2. **Về con chung:** Chị D Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Tấn L có một con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2009, hiện cháu D đang sống chung với chị Th.

Sau khi ly hôn, chị D Thị Ngọc Th được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2009.

Anh Nguyễn Tấn L không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Th không yêu cầu.

Anh Nguyễn Tấn L được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. **Về tài sản chung:** Chị Th trình bày không có, anh L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. **Về nợ chung:** Chị Th trình bày vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, anh L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Chị D Thị Ngọc Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BI/2019/0012076 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chị Th đã nộp xong.

6. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn D Thị Ngọc Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn Nguyễn Tấn L vắng mặt tại phiên tòa, được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND HCL;
- Chi cục THADS HCL;
- TAND tỉnh;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

**Lê Văn Tinh**